

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Điện tử; Chuyên ngành: Vô tuyến điện và truyền thông

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Tổng Văn Luyên

2. Ngày tháng năm sinh: 15/06/1979; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Hiệp Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 35, ngõ 60, đường Nguyễn Đạo An, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 503, nhà A7, Trường Điện - Điện tử, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, số 298 đường Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0979815679; E-mail: luyentv@hau.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 04 năm 2003 đến tháng 11 năm 2007: Giáo viên trung học, Khoa Điện tử, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 9 năm 2020: Giảng viên, Khoa Điện tử, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Từ tháng 09 năm 2020 đến tháng 06 năm 2023: Giảng viên, Trưởng bộ môn Điện tử Viễn thông, Khoa Điện tử, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Từ tháng 07 năm 2023 đến tháng 12 năm 2024: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn Điện tử Viễn thông, Khoa Điện tử, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Từ tháng 01 năm 2025 đến nay: Giảng viên chính, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ Điện - Điện tử, Trường Điện - Điện tử, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ Điện - Điện tử, Trường Điện - Điện tử, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ Điện - Điện tử, Trường Điện - Điện tử, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Địa chỉ cơ quan: số 298 đường Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội;

Điện thoại cơ quan: 0243.7655.391;

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):.....

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 06 năm 2002; số văn bằng: B382760; ngành: Điện tử, chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam;

- Được cấp bằng ThS ngày 28 tháng 02 năm 2005; số văn bằng: 001116; ngành: Điện tử, chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam;

- Được cấp bằng TS ngày 27 tháng 06 năm 2019; số văn bằng: QT001886; ngành: Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS ngành, liên ngành: Điện - Điện tử - Tự động hóa.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Ứng viên tập trung phát triển giải pháp cho hệ thống truyền thông không dây tiên tiến, dựa trên tối ưu toàn cục và AI nhằm giải quyết các thách thức mới. Nghiên cứu triển khai theo hai hướng chính như sau:

- Hướng nghiên cứu này tập trung phát triển các giải pháp beamforming (BF) - kỹ thuật nền tảng của hệ anten tiên tiến, cho phép điều khiển hướng bức xạ/thu nhận tín hiệu. BF giúp nâng cao hiệu suất, tiết kiệm năng lượng, chống nhiễu cho hệ anten tiên tiến. Kết quả nghiên cứu: 31 bài báo/báo cáo khoa học, trong đó có 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín.
- Hướng nghiên cứu này ứng dụng các giải pháp BF trong truyền thông không dây, đồng thời đề xuất các giải pháp hiệu quả đáp ứng nhu cầu cụ thể của hệ thống 5G, B5G, 6G và các ứng dụng chuyên biệt. Kết quả nghiên cứu: 15 bài báo/báo cáo khoa học, trong đó có 6 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **0** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **03** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ trì và tham gia thực hiện **05** đề tài cấp Trường;
- Đã công bố (số lượng) **46** bài báo/báo cáo khoa học trên các tạp chí và kỷ yếu hội nghị, trong đó có **17** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) **0** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **03** (đồng tác giả);
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **0**.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương năm 2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Chính trị, tư tưởng:

Có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Luôn chấp hành nghiêm và tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Gương mẫu đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị; nói và làm theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng; tuân thủ pháp luật và các quy định của địa phương, cơ quan công tác.

- Đạo đức, lối sống:

Luôn tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, giữ gìn lối sống lành mạnh, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trong công tác. Với vai trò giảng viên, ứng viên cầu thị, lắng nghe và tiếp thu ý kiến góp ý từ đồng nghiệp, sinh viên để hoàn thiện bản thân. Luôn trung thực,

khách quan, công bằng, sẵn sàng hỗ trợ đồng nghiệp và sinh viên. Có thái độ đúng mực trong quan hệ công tác, đề cao tinh thần hợp tác và thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử của viên chức.

- Quá trình đào tạo và năng lực công tác:

▪ Quá trình đào tạo: Ứng viên được đào tạo chuyên môn tại các cơ sở uy tín trong nước: tốt nghiệp Đại học và Thạc sĩ tại Đại học Bách khoa Hà Nội; Tiến sĩ tại Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Từ tháng 2/2020 đến tháng 1/2021, ứng viên hoàn thành chương trình Nghiên cứu sau Tiến sĩ tại Viện Tiên tiến về Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Công nghệ, với sự hỗ trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED). Bên cạnh đó, ứng viên tích cực tham gia các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm nhằm nâng cao năng lực giảng dạy. Kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm tích lũy được qua quá trình đào tạo giúp ứng viên hoàn thành hiệu quả các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng và công tác quản lý.

▪ Năng lực công tác:

✓ Với vai trò giảng viên, ứng viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường. Ứng viên chủ động áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính chủ động, tư duy sáng tạo và khả năng tự học của người học. Trong công tác xây dựng chương trình đào tạo, ứng viên được tin tưởng giao chủ trì hoặc tham gia các nhóm xây dựng, cập nhật chương trình, đặc biệt là các chương trình hướng tới chuẩn đầu ra quốc tế như ABET. Ứng viên tích cực tham gia và xây dựng các nhóm nghiên cứu chuyên sâu trong các lĩnh vực như truyền thông không dây, tính toán tối ưu. Các nhóm nghiên cứu đã có nhiều kết quả công bố quốc tế, tạo môi trường học thuật khuyến khích sinh viên, giảng viên tham gia. Nhiều nhóm sinh viên nghiên cứu do ứng viên hướng dẫn đã đạt kết quả tích cực. Bên cạnh đó, ứng viên tham gia tích cực vào các hoạt động phục vụ cộng đồng như tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế; tham gia phản biện cho các tạp chí, hội thảo chuyên ngành trong và ngoài nước; cố vấn cho sinh viên khởi nghiệp. Ứng viên luôn giữ tinh thần trách nhiệm, tận tụy trong công việc và nhiệt tình hỗ trợ đồng nghiệp, sinh viên trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

✓ Năng lực quản lý: Ứng viên luôn nỗ lực xây dựng tập thể Bộ môn đoàn kết, vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Với vai trò Trưởng Bộ môn, Giám đốc Trung tâm, ứng viên đã thực hiện hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành trên các mặt hoạt động, đảm bảo tính khoa học, hệ thống và hiệu quả trong triển khai kế hoạch. Đồng thời, ứng viên tích cực tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Khoa, Trường trong các hoạt động chung, đặc biệt là các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và phục vụ cộng đồng, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đơn vị và Nhà trường.

Đối chiếu với tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, ứng viên nhận thấy bản thân đã đáp ứng tốt các yêu cầu theo quy định.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **17 năm 7 tháng**, tính từ tháng 12/2007 đến nay;

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	0	0	0	10	375	0	375/443/270
2	2020-2021	0	0	01	10	405	30	435/458/216
3	2021-2022	0	0	01	13	405	30	435/479/216
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	0	03	390	60	450/597,8/216
5	2023-2024	0	0	01	02	240	180	420/601,2/224
6	2024-2025	0	0	0	02	270	90	360/462,9/224

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án ☐ TS hoặc ☐ TSKH; tại nước:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; số bằng: DCN.DB35320; năm cấp: 2024

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Ngôn ngữ Anh (năm 2024)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trịnh Tiến Thắng		HVCH	×		Từ 09/11/2020 đến 30/09/2021	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	25/01/2022; 143/QĐ-ĐHCN
2	Nguyễn Văn Cường		HVCH	×		Từ 17/04/2021 đến 29/05/2022	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	30/08/2022; 1011/QĐ-ĐHCN
3	Nguyễn Thị Vân Anh		HVCH	×		Từ 01/08/2024 đến 22/12/2024	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	11/06/2025; 907/QĐ-ĐHCN

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Giáo trình Thiết kế hệ thống số	GT	NXB Giáo dục Việt Nam, 2011	3	Nguyễn Viết Tuyến	29-41	40/GXN-ĐHCN; (Số ĐKKH xuất bản: 1048-2011/CXB/8-1495/GD)
2	Giáo trình Ngôn ngữ mô tả phân cứng	GT	NXB Giáo dục Việt Nam, 2011	3	Nguyễn Viết Tuyến	7-13; 14-33	41/GXN-ĐHCN; (Số ĐKKH xuất bản: 1048-2011/CXB/7-1495/GD)
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
3	Giáo trình Vi mạch số lập trình	GT	NXB Thống kê, 2019	4	Nguyễn Viết Tuyến	9-26; 114-116	42/GXN-ĐHCN; (ISBN-13: 978-604-75-1090-0)

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Xây dựng hệ thống các bài thí nghiệm cho môn học thông tin số và truyền số liệu	CN	14.2012.RD/HĐ-ĐHCN	1/2012 - 12/2012	25/02/2013; Khá
2	Nghiên cứu, phát triển phương pháp thiết kế phân cứng trực tiếp từ các mã nguồn mô phỏng	CN	10.2015-RD/HĐ-ĐHCN	1/2015 - 12/2015	10/08/2017; Khá
3	Nghiên cứu, thiết kế và thực thi một hệ thống máy tính nhúng đơn chip	Tham gia	16.2016-RD/HĐ-ĐHCN	1/2016 - 12/2016	02/02/2018; Khá
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
4	Phát triển các giải pháp chống nhiễu cho hệ thống thông tin vô tuyến thế hệ mới dựa trên các anten thông minh	CN	28-2020-RD/HĐ-ĐHCN	6/2020 - 5/2021	11/06/2021; Xuất sắc
5	Phát triển giải pháp xử lý mảng anten tối ưu dựa trên các thuật toán có nguồn gốc từ thiên nhiên cho Radar và mạng thông tin vô tuyến	CN	18-2022-RD/HĐ-ĐHCN	6/2022 - 5/2023	17/08/2023; Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Reduction of Sidelobe Level in Planar Antenna Arrays	3	×	The Proceeding of Vietnam-Japan International Symposium on Antennas and Propagation. ISBN: 978-604-934-849-5			Pages: 283-284	01/2014
2	Nulling and Steering of Beams in Planar Antenna Arrays	3	×	The Proceeding of Vietnam-Japan International Symposium on Antennas and Propagation. ISBN: 978-604-934-849-5			Pages: 285-287	01/2014
3	Đề xuất mô hình hệ thống phần cứng để định dạng và điều khiển búp sóng cho các anten thông minh	2	×	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia 2014 về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ thông tin. ISBN: 978-604-67-0349-5			Pages: 190-193	09/2014
https://rev-ecit.vn/vi/content/ky-yeu-hoi-nghi-0								
4	Design and implementation of FPGA based LMS adaptive beamformer for ULA antennas	2	×	The Proceeding of The 2015 International Conference on Integrated Circuits, Design, and Verification & The 2015 Vietnam-Japan MicroWave. ISBN: 978-4-88552-300-7			Pages: 71-76	08/2015
https://www.ieice.org/es/mw/VJMW2015/								
5	Design of LMS Based Adaptive Beamformer for ULA Antennas	2	×	VNU Journal of Science: Computer Science and Communication Engineering. Electronic ISSN: 2588-1086			Vol.32, No.3, Pages: 72-79	12/2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				Print ISSN: 2615-9260 (VNU Journal of Science ISSN: 0866-8612)				
	https://jcsce.vnu.edu.vn/index.php/jcsce/article/view/140							
6	Design of a 2×2 array antenna for WLAN applications	3	×	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Electronic ISSN: 2615-9619 Print ISSN: 1859-3585			No.38, Pages 91-94	02/2017
	https://www.hau.edu.vn/media/28/ufpdf28134.pdf							
7	Interference Suppression of ULA Antennas by Phase-Only Control Using Bat Algorithm	2	×	IEEE Antennas and Wireless Propagation Letters. Electronic ISSN: 1548-5757 Print ISSN: 1536-1225	SCIE (IF: 3.7; Q1; CiteScore: 8; SJR 2024 1.682)	59	Vol.16, Pages: 3038-3042	10/2017
	https://doi.org/10.1109/LAWP.2017.2759318							
8	BAT algorithm based beamformer for interference suppression by controlling the complex weight	2	×	REV Journal on Electronics and Communications. ISSN: 1859-378X		11	Vol.7, No.3-4, Pages: 87-93	12/2017
	http://dx.doi.org/10.21553/rev-jec.159							
9	Null-steering beamformer using bat algorithm	2	×	The Applied Computational Electromagnetics Society. Electronic ISSN: 1943-5711 Print ISSN: 1054-4887	SCIE (IF: 0.8; Q3; 2024, SJR2024: 0.219);	17	Vol.33, No.1, Pages: 23-29	01/2018
	https://aces-society.org/includes/downloadpaper.php?of=ACES_Journal_January_2018_Paper_4&nf=18-1-4							
10	Một giải pháp lọc nhiễu trong ảnh siêu âm dùng bộ lọc NLM thích nghi	4		Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự. ISSN: 1859-1043			No. 56, Pages: 35-46	08/2018
	https://www.jmst.info/xu%E1%BA%A5t-b%E1%BA%A3n/n%C4%83m-2018							

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
11	A Novel Despeckling Approach for Ultrasound Images Using Adaptive OBFLM Filter	4		International Conference on Engineering Research and Applications. Electronic ISBN:978-3-030-04792-4 Print ISBN: 978-3-030-04791-7		1	Pages: 77-83	12/2018
https://doi.org/10.1007/978-3-030-04792-4_12								
II	Sau khi được công nhận TS							
12	An Approach of Utilizing Binary Bat Algorithm for Pattern Nulling	6	×	Intelligent Computing in Engineering. Advances in Intelligent Systems and Computing. Electronic ISBN: 978-981-15-2780-7 Electronic ISSN: 2194-5365	Scopus-BookChapter (SJR2021: 0.215)	1	Pages: 963-973	04/2020
https://doi.org/10.1007/978-981-15-2780-7_101								
13	An efficient ULA pattern nulling approach in the presence of unknown interference	4	×	Journal of Electromagnetic Waves and Applications. Electronic ISSN: 1569-3937 Print ISSN: 0920-5071	SCIE (IF: 1.2; Q3; 2024, CiteScore: 3.2, SJR2024: 0.280)	2	Vol.35, No. 1 Pages: 1-18	09/2020
https://doi.org/10.1080/09205071.2020.1819442								
14	An adaptive beamformer utilizing binary bat algorithm for antenna array pattern nulling	2	×	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Electronic ISSN: 2615-9619 Print ISSN: 1859-3585			Vol.57-Special, Pages: 52-57	11/2021
https://vjol.info.vn/index.php/dhcnhn/article/view/63518								
15	Array Pattern Synthesis: An Approach Inspired from	3	×	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.			Vol.58-Special, Pages: 166-169	05/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Convex Optimization			Electronic ISSN: 2615-9619 Print ISSN: 1859-3585				
16	An Effective Beamformer for Interference Mitigation	3	×	Intelligent Systems and Networks. Lecture Notes in Networks and Systems. ISBN: 978-981-19-3394-3 Electronic ISSN: 2367-3389	Scopus-BookChapter (CiteScore : 1.0 SJR2024: 0.166)		Pages: 630-639	07/2022
	https://doi.org/10.1007/978-981-19-3394-3_73							
17	Null-Steering Beamformers for Suppressing Unknown Direction Interferences in Sidelobes	5	×	Journal of Communications. Electronic ISSN: 1796-2021 Print ISSN: 2374-4367	Scopus (CiteScore :3.4; Q3; 2023, SJR2024: 0.244)	9	Vol.17, No. 8, Pages: 600-607	08/2022
	https://doi.org/10.12720/jcm.17.8.600-607							
18	A Null Synthesis Technique-Based Beamformer for Uniform Rectangular Arrays	3	×	2022 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC). Electronic ISBN: 978-1-6654-5188-8 Electronic ISSN: 2162-1039	Scopus-Proceedings (CiteScore: 1.1, SJR2024: 0.180)		Pages: 13-17	10/2022
	https://doi.org/10.1109/atc55345.2022.9942965							
19	An efficient beamformer for uniform rectangular arrays	2	×	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Electronic ISSN: 2615-9619 Print ISSN: 1859-3585			Vol.58, No.6A, Pages 28-32	11/2022
	https://doi.org/10.57001/huic5804.63							
20	An effective beamformer for interference suppression	2	×	International Journal of Electrical and Computer Engineering	Scopus (SJR2024: 0.33; Q3; 2024)	1	Vol.13, No.1, Pages 601-610	02/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	without knowing the direction			(IJECE). Electronic ISSN: 2722-2578 Print ISSN: 2088-8708				
	https://doi.org/10.11591/ijece.v13i1.pp601-610							
21	An efficient beamformer for interference suppression using rectangular antenna arrays	3	×	Journal of Communications. Electronic ISSN: 1796-2021 Print ISSN: 2374-4367	Scopus (CiteScore : 3.4; Q3; 2024, SJR2024: 0.244)	3	Vol.18, No.2, Pages: 116-122	02/2023
	https://doi.org/10.12720/jcm.18.2.116-122							
22	Collaborative beamforming-based wireless power transfer considering interference suppression	7	×	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Electronic ISSN: 2615-9619 Print ISSN: 1859-3585			Vol.59, No.2A, Pages: 208-212	03/2023
	https://doi.org/10.57001/huic5804.2023.068							
23	Wireless power transfer using binary bat algorithm-based beamformer	7	×	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Electronic ISSN: 2615-9619 Print ISSN: 1859-3585			Vol.59, No.2A, Pages: 213-218	03/2023
	https://doi.org/10.57001/huic5804.2023.069							
24	A metaheuristics-based hyperparameter optimization approach to beamforming design	4	×	IEEE ACCESS. Electronic ISSN: 2169-3536	SCIE (IF: 3.4, CiteScore: 9.8, Q1, SJR2024: 0.849)	4	Vol.11, Pages: 52250-52259	05/2023
	https://doi.org/10.1109/access.2023.3277625							
25	Convex optimization-based sidelobe control for planar arrays	3	×	2023 IEEE Statistical Signal Processing Workshop (SSP). Electronic ISBN: 978-1-6654-5245-8	Scopus-Proceedings (SJR2024: 0.3)		Pages: 304 -308	07/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				Electronic ISSN: 2693-3551				
	https://doi.org/10.1109/ssp53291.2023.10207978							
26	An optimization approach of block length for URLLC-5G	4		Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Electronic ISSN: 2615-9619 Print ISSN: 1859-3585			Vol.59, No.6B, Pages: 30-33	11/2023
	https://doi.org/10.57001/huic5804.2023.218							
27	An investigation on the radiation characteristics of Plano-Convex and Hyperbolic-Planar lens antennas working at 270 GHz	6		2023 12th International Conference on Control, Automation and Information Sciences (ICCAIS). Electronic ISSN: 1867-822X Print ISSN: 1867-8211			Pages:60 1-606	11/2023
	https://doi.org/10.1109/iccais59597.2023.10382358							
28	Investigation of Transmit Antenna Selection for MU-VASM Systems over Correlated Channels	6		Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social-Informatics and Telecommunication s Engineering (LNICST, volume 558, Ad Hoc Nets 2023). Electronic ISSN: 979-8-3503-28790 Print ISSN: 2475-7896	Scopus-BookChapter (SJR2024: 0.158)		Pages:11 2-124	03/2024
	https://doi.org/10.1007/978-3-031-55993-8_9							
29	Interference Suppression Approaches Utilizing Phase-Only Control and Metaheuristic	3	×	Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social-Informatics and Telecommunication s Engineering (LNICST, volume	Scopus-BookChapter (SJR2024: 0.158)		Pages:65 -85	03/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Algorithms: A Comparative Study			558, Ad Hoc Nets 2023). Electronic ISSN: 1867-822X Print ISSN: 1867-8211				
https://doi.org/10.1007/978-3-031-55993-8_6								
30	Metaheuristics-Based Hyperparameter Tuning for Convolutional Neural Networks	2	×	Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social-Informatics and Telecommunication s Engineering (LNICST, volume 558, Ad Hoc Nets 2023). Electronic ISSN: 1867-822X Print ISSN: 1867-8211	Scopus-BookChapter (SJR2024: 0.158)		Pages:41-54	03/2024
https://doi.org/10.1007/978-3-031-55993-8_4								
31	Nature-Inspired Algorithms-Based Beamforming for Advanced Antenna Systems	5	×	Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social-Informatics and Telecommunication s Engineering (LNICST, volume 558, Ad Hoc Nets 2023). Electronic ISSN: 1867-822X Print ISSN: 1867-8211	Scopus-BookChapter (SJR2024: 0.158)		Pages:99-111	03/2024
https://doi.org/10.1007/978-3-031-55993-8_8								
32	Antenna Array Pattern Nulling via Convex Optimization	4	×	Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social-Informatics and Telecommunication s Engineering (LNICST, volume 558, Ad Hoc Nets 2023).	Scopus-BookChapter (SJR2024: 0.158)		Pages:55-62	03/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				Electronic ISSN: 1867-822X Print ISSN: 1867-8211				
https://doi.org/10.1007/978-3-031-55993-8_5								
33	Reconfigurable Intelligent Surface-Aided Wireless Communication Considering Interference Suppression	4	×	Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social-Informatics and Telecommunication s Engineering (LNICST, volume 558, Ad Hoc Nets 2023). Electronic ISSN: 1867-822X Print ISSN: 1867-8211	Scopus-BookChapter (SJR2024: 0.158)		Pages:86-98	03/2024
https://doi.org/10.1007/978-3-031-55993-8_7								
34	Metaheuristics-Based Uplink Power Control Scheme for User-Centric Cell-Free Massive MIMO Systems	2	×	IEEE ACCESS. Electronic ISSN: 2169-3536	SCIE (IF: 3.4, CiteScore: 9.8, Q1, SJR2024: 0.849)		Vol.12, Pages:96603 - 96616	06/2024
https://doi.org/10.1109/access.2024.3417429								
35	Convex Optimization-Based Linear and Planar Array Pattern Nulling	3	×	Progress in Electromagnetics Research M. Electronic ISSN: 1937-8726	ESCI (IF: 0.7, 2023), Q4, SJR2024: 0.231		Vol.128, Pages: 21-30	07/2024
https://doi.org/10.2528/pierm24042403								
36	Firefly Algorithm for Movable Antenna Arrays	6		IEEE Wireless Communications Letters. Electronic ISSN: 2162-2345. Print ISSN: 2162-2337	SCIE (IF: 4.6, CiteScore: 12.3, 2024), Q1, SJR2024: 2.24	1	Vol.13, No.11, Pages: 3157 - 3161	09/2024
https://doi.org/10.1109/lwc.2024.3456899								
37	An Enhanced Path Loss Prediction Approach for the	5		Journal of Communications. Electronic ISSN: 1796-2021	Scopus (CiteScore : 3.4; Q3;		Vol.19, No.10, Pages: 498-505	10/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	A2A Channel in UAV Communications			Print ISSN: 2374-4367	2024, SJR2024: 0.244)			
	https://doi.org/10.12720/jcm.19.10.498-505							
38	Efficient Constraint Handling Technique-Based Beamformer for Advanced Antenna Systems	3	×	Journal of Communications. Electronic ISSN: 1796-2021 Print ISSN: 2374-4367	Scopus (CiteScore : 3.4; Q3; 2024, SJR2024: 0.244)		Vol.19, No.11, Pages: 506-515	11/2024
	https://doi.org/10.12720/jcm.19.11.506-515							
39	A novel null-steering beamformer based on bat algorithm	1	×	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Electronic ISSN: 2615-9619 Print ISSN: 1859-3585			Vol.61, No.3, Pages: 3-9	03/2025
	http://doi.org/10.57001/huih5804.2025.053							
40	Pattern Nulling for Advanced Linear Antenna Systems in 6G by Amplitude-Only Control via Deep Learning	2	×	Progress in Electromagnetics Research C. ISSN: 1937-8718	Scopus (SJR: 0.272, Q3, 2024, SJR2024: 0.272)		Vol.153, Pages: 241-246	03/2025
	https://doi.org/10.2528/pierc25011004							
41	Performance analysis of null-steering beamformers with phase-only and amplitude-only control via bat algorithm	1	×	Journal of Measurement, Control, and Automation. ISSN: 3030-4555			Vol.29 No.1, Pages: 19-25	03/2025
	https://doi.org/10.64032/mca.v29i1.258							
42	Interference Suppression Enabled by Reconfigurable Intelligent Surface for Simultaneous Wireless	4	×	Journal of Communications. Electronic ISSN: 1796-2021 Print ISSN: 2374-4367	Scopus (CiteScore : 3.4; Q3; 2024, SJR2024: 0.244)		Vol.20, No.2, Pages: 184-198	04/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Information and Power Transfer Applications							
	https://doi.org/10.12720/jcm.20.2.184-198							
43	Distributed Uplink Power Control in User-Centric Cell-Free Massive MIMO with Grey Wolf Optimization	4		Progress in Electromagnetics Research C. ISSN: 1937-8718	Scopus (SJR: 0.272, Q3, 2024, SJR2024: 0.272)		Vol.156, Pages: 31-38	05/2025
	https://doi.org/10.2528/pierc25040404							
44	An Unknown Interference Suppression Scheme for Advanced Antenna Systems	4	×	The Applied Computational Electromagnetics Society. Electronic ISSN: 1943-5711 Print ISSN: 1054-4887	SCIE (IF: 0.8; Q3, 2024, SJR2024: 0.219)		Vol.40, No.03, Pages: 192 -202	03/2025
	https://doi.org/10.13052/2024.ACES.J.400304							
45	Joint Metaheuristics and Deep Learning for Beamforming in 6G Advanced Antenna Systems	2	×	IEEE Signal Processing Letters. Electronic ISSN: 1558-2361 Print ISSN: 1070-9908	SCIE (IF: 3.2); Q1, 2024, SJR2024: 0.938			06/2025
	https://doi.org/10.1109/lsp.2025.3577126							
46	Adaptive beamforming for uniform circular arrays	2	×	Journal of Measurement, Control, and Automation. ISSN: 3030-4555			Vol.29 No.2, Pages: 51-55	06/2025
	https://doi.org/10.64032/mca.v29i2.259							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau PGS/TS:

Tổng số bài báo/báo cáo khoa học đã đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội nghị là **46** bài, trong đó số bài báo đã đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục WoS, Scopus mà ứng viên là tác giả chính sau TS là **12** bài, số thứ tự là: [13], [17], [20], [21], [24], [34], [35], [38], [40], [42], [44], [45].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà ứng viên là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò ứng viên (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Đại học Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu	Tham gia	Số 262/QĐ-ĐHCN, ngày 11/5/2020	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Số 672/QĐ-ĐHCN, ngày 11/8/2020	Soạn thảo chương trình tiếp cận chuẩn ABET
2	Chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật máy tính	Tham gia	Số 262/QĐ-ĐHCN, ngày 11/5/2020	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Số 672/QĐ-ĐHCN, ngày 11/8/2020	Soạn thảo CTĐT tiếp cận chuẩn ABET

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò ứng viên (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
3	Chương trình đào tạo Đại học Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	Tham gia	Số 237/QĐ-ĐHCN, ngày 03/03/2022	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Số 387/QĐ-ĐHCN, ngày 25/03/2025	Hội đồng đánh giá, cải tiến CTĐT trình độ đại học định hướng kiểm định ABET
4	Chương trình đào tạo Đại học Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	Tham gia	Số 1036/QĐ-ĐHCN, ngày 26/07/2024	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Số 387/QĐ-ĐHCN, ngày 25/03/2025	Xây dựng, cập nhật CTĐT tiếp cận chuẩn ABET
5	Chương trình đào tạo Đại học Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Chủ trì	Số 1036/QĐ-ĐHCN, ngày 26/07/2024	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Số 387/QĐ-ĐHCN, ngày 25/03/2025	Xây dựng, cập nhật CTĐT tiếp cận chuẩn ABET

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (ứng viên PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ứng viên chức danh ☐ GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh ☐ PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ứng viên chức danh ☐ GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ứng viên chức danh ☐ PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:...

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ứng viên không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:.....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ứng viên không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:.....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Tống Văn Luyện